



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 12/2024

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Tổng số nhiệm vụ	Kết quả thực hiện nhiệm vụ								Điểm tháng	Mức xếp loại	
				Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn			Quá hạn, Không hoàn thành
I	Lãnh đạo Sở													
1	Vũ Văn Kiên	GD Sở	803	705 nhiệm vụ trước hạn (87.8%); 98 nhiệm vụ đúng hạn (12.2%)										
2	Cù Trọng Khang	PGĐ Sở	336	295 nhiệm vụ trước hạn (87.8%); 41 nhiệm vụ đúng hạn (12.2%)								91,5 ¹	B	
3	Nguyễn Thị Tươi	PGĐ Sở	271	242 nhiệm vụ trước hạn (89.3%);29 nhiệm vụ đúng hạn (10.7%)								97,5 ²	A	
4	Nguyễn Thị Thiều Hương	PGĐ Sở	196	172 nhiệm vụ trước hạn (87.76%);24 nhiệm vụ đúng hạn (12.24%)								93,5 ³	A	
II	Phòng Xây dựng chính quyền		79	6	2	4	0	0	73	64	9	0		B
				66 nhiệm vụ trước hạn (83.54%); 13 nhiệm vụ đúng hạn (16.46%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trần Hưng	TP	2	0	0	0	0	0	2	1	1	0	90	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (50%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 89.3%)
² Được thưởng 7,5 điểm (thưởng 6 điểm có 02 ý tưởng đổi mới sáng tạo thuộc đơn vị phụ trách sản phẩm là văn bản HĐND tỉnh và Sở ban hành; thưởng 1,5 điểm trước hạn 89.3%)
³ Được thưởng 3,5 điểm (thưởng 2 điểm có 01 ý tưởng đổi mới sáng tạo thuộc đơn vị phụ trách sản phẩm là văn bản Sở ban hành; thưởng 1,5 điểm trước hạn 87.76%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Vũ Thị Duyên	PTP	11	1	0	1	0	0	10	10	0	0	92 ⁴	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (90.91%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (9.09%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Nguyễn Thị Thu Trang	CV	14	2	0	2	0	0	12	11	1	0	91 ⁵	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (78.57%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (21.43%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Vương Thị Ngọc	CV	15	1	0	1	0	0	14	9	5	0	95,5 ⁶	A
				9 nhiệm vụ trước hạn (60%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (40%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Phan Thị Diễm	CV	13	0	0	0	0	0	13	13	0	0	92,5 ⁷	A
				12 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁴ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 90.91%)

⁵ Được thưởng 1 điểm (trước hạn 78.57%)

⁶ Được thưởng 5,5 điểm (thưởng 5 điểm đồng tác giả sáng kiến cấp cơ sở; thưởng 0,5 điểm trước hạn 60%)

⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
6	Vũ Thị Thanh Hương	CV	12	2	2	0	0	0	10	9	1	0	92 ⁸	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (91.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (8.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Lê Thị Hải Anh	CV	12	0	0	0	0	0	12	11	1	0	92 ⁹	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (91.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (8.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
III	Phòng Tổ chức, biên chế		94	10	8	2	0	0	84	75	9	0		A
				83 nhiệm vụ trước hạn (88.3%); 11 nhiệm vụ đúng hạn (11.7%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Bùi Xuân Hiếu	TP	3	1	0	1	0	0	2	2	0	0	90,5 ¹⁰	A
				2 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Đào Thị Thu Trang	PTP	13	2	2	0	0	0	11	9	2	0	93,5 ¹¹	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (84.62%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (15.38%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁸ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 91.67%)⁹ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 91.67%)¹⁰ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 66,67%)¹¹ Được thưởng 3,5 điểm (thưởng 2 điểm có 01 ý tưởng đổi mới, sáng tạo phụ trách là văn bản Sở ban hành, thưởng 1,5 điểm trước hạn 84.62%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
3	Nguyễn Anh Tuấn	PTP	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Anh	CV	21	3	3	0	0	0	18	16	2	0	92 ¹²	A
				19 nhiệm vụ trước hạn (90.48%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (9.52%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Nguyễn Thị Luyến	CV	13	1	1	0	0	0	12	11	1	0	96 ¹³	A
				12 nhiệm vụ trước hạn (92.31%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (7.69%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Mai Quỳnh Nga	CV	17	2	2	0	0	0	15	14	1	0	92 ¹⁴	A
				16 nhiệm vụ trước hạn (94.12%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (5.88%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Hoàng Thị Bích Ngọc	CV	15	1	0	1	0	0	14	13	1	0	91,5 ¹⁵	A
				13 nhiệm vụ trước hạn (86.67%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (13.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹² Được thưởng 2 điểm (trước hạn 90.48%)

¹³ Được thưởng 6 điểm (thưởng 4 điểm có 01 ý tưởng đổi mới, sáng tạo là văn bản Sở ban hành, thưởng 2 điểm trước hạn 92.31%)

¹⁴ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 94.12%)

¹⁵ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 86.67%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
8	Lê Thị Yến	CV	10	0	0	0	0	0	10	9	1	0	92 ¹⁶	A
				9 nhiệm vụ trước hạn (90%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (10%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Đỗ Thị Phương	CV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	92,5 ¹⁷	A
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
IV	Phòng Công chức, viên chức		238	18	17	1	0	0	220	203	17	0		B
				220 nhiệm vụ trước hạn (92.44%); 18 nhiệm vụ đúng hạn (7.56%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Phạm Thị Ngoan	PTP	21	4	4	0	0	0	17	17	0	0	92,5 ¹⁸	B
				21 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Phạm Văn Tùng	PTP	7	2	2	0	0	0	5	5	0	0	92,5	A
				7 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹⁶ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 90%)

¹⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

¹⁸ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
3	Nguyễn Thị Nga	CV	10	1	0	1	0	0	9	2	7	0	82	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (20%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (80%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Hải Yến	CV	140	3	3	0	0	0	137	133	4	0	92 ¹⁹	A
				136 nhiệm vụ trước hạn (97.14%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (2.86%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Trần Thị Kim Tuyền	CV	19	1	1	0	0	0	18	16	2	0	91,5 ²⁰	A
				17 nhiệm vụ trước hạn (89.47%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (10.53%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Nguyễn Thị Dương	CV	17	3	3	0	0	0	14	11	3	0	91,5 ²¹	A
				14 nhiệm vụ trước hạn (82.35%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (17.65%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Phạm Thị Hà Mi	CV	24	4	4	0	0	0	20	19	1	0	92 ²²	A
				23 nhiệm vụ trước hạn (95.83%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (4.17%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹⁹ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 97.14%)

²⁰ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 89.47%)

²¹ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 82.35%)

²² Được thưởng 2 điểm (trước hạn 95.83%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
V	Phòng CCHC-VTLT		34	9	9	0	0	0	35	35	0	0		B
				34 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Hoàng Xuân Chính	TP	1	0	0	0	0	0	2	2	0	0	85	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Trần Anh Dũng	PTP	5	2	2	0	0	0	3	3	0	0	92,5 ²³	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Đoàn Minh Sang	CV	5	2	2	0	0	0	3	3	0	0	92,5 ²⁴	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Trần Thị Hồng Anh	CV	6	2	2	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ²⁵	A
				6 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

²³ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)²⁴ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)²⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
5	Trần Thị Lan Phương	CV	17	3	3	0	0	0	14	14	0	0	92,5 ²⁶	A	
				17 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
VI	Thanh tra Sở		72	9	6	3	0	0	63	54	9	0		B	
				60 nhiệm vụ trước hạn (83.33%); 12 nhiệm vụ đúng hạn (16.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
1	Lương Thị Phương Chi	CTT	21	1	0	1	0	0	20	19	1	0	92 ²⁷	B	
				19 nhiệm vụ trước hạn (90.48%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (9.52%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
2	Hoàng Minh Hiền	PCTT	5	0	0	0	0	0	5	1	4	0	88	B	
				1 nhiệm vụ trước hạn (20%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (80%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
3	Phan Thu Trang	TTV	13	6	5	1	0	0	7	6	1	0	91,5 ²⁸	A	
				11 nhiệm vụ trước hạn (84.62%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (15.38%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

²⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

²⁷ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 90.48%)

²⁸ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 84.62%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
4	Bùi Trung Kiên	TTV	16	0	0	0	0	0	16	16	0	0	88	B
				16 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Hoàng Thị Thùy Dung	CV	17	2	1	1	0	0	15	12	3	0	91 ²⁹	A
				13 nhiệm vụ trước hạn (76.47%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (23.53%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
VII	Phòng Tín ngưỡng - Tôn giáo		61	4	4	0	0	0	57	54	3	0		B
				58 nhiệm vụ trước hạn (95.08%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (4.92%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trần Thị Lý	TP	12	0	0	0	0	0	12	12	0	0	92,5 ³⁰	B
				12 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Mai Thị Hồng Huệ	PTP	11	2	2	0	0	0	9	9	0	0	92,5 ³¹	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

²⁹ Được thưởng 1 điểm (trước hạn 76.47%)

³⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

³¹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
3	Vũ Thị Tân	CV	6	0	0	0	0	0	6	4	2	0	90,5 ³²	A
4 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)														
4	Nguyễn Văn Bằng	CV	13	1	1	0	0	0	12	11	1	0	92 ³³	A
12 nhiệm vụ trước hạn (92.31%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (7.69%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)														
5	Phạm Thu Huyền	CV	19	1	1	0	0	0	18	18	0	0	92,5 ³⁴	A
19 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)														
VIII	Văn phòng		58	13	11	2	0	0	45	36	9	0		B
47 nhiệm vụ trước hạn (81,03%); 11 nhiệm vụ đúng hạn (18,97%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)														

³² Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 66.67%)

³³ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 92.31%)

³⁴ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
1	Vũ Quốc Khánh	CVP	3	3	3	0	0	0	0	0	0	0	92,5 ³⁵	B	
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
2	Nguyễn Bá Hoàng	PCVP	29	1	1	0	0	0	28	23	5	0	91,5 ³⁶	A	
				24 nhiệm vụ trước hạn (82.76%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (17.24%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
3	Chu Bình Mích	CV	11	4	3	1	0	0	7	5	2	0	91 ³⁷	A	
				8 nhiệm vụ trước hạn (72.73%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (27.27%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
4	Mai Hồng Quân	CV	6	4	3	1	0	0	2	1	1	0	91	A	
				4 nhiệm vụ trước hạn (66,67%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (33,33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

³⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

³⁶ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 82.76%)

³⁷ Được thưởng 1 điểm (trước hạn 72.73%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
5	Vũ Thị Sang	CS	5	1	1	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ³⁸	A
				4 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Lê Xuân Tình	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Quách Hồng Thuận	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Hoàng Thị Thanh Mai	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Lê Thị Thu Hà	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

³⁸ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
IX	Ban Thi đua - Khen thưởng		120	12	12	0	0	0	108	104	4	0		A
				116 nhiệm vụ trước hạn (96.67%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (3.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Nguyễn Đình Tuệ	TB	4	0	0	0	0	0	4	4	0	0	100 ³⁹	A
				4 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Đỗ Thị Yên	PTB	10	4	4	0	0	0	6	6	0	0	94,5 ⁴⁰	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Quách Thị Lan Phương	PTB	12	0	0	0	0	0	12	12	0	0	92,5 ⁴¹	A
				12 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Hồng Dung	CV	5	0	0	0	0	0	5	2	3	0	88	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (40%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (60%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

³⁹ Được thưởng tối đa 10 điểm (thưởng 8 điểm có 01 ý tưởng đổi mới sáng tạo là văn bản HĐND tỉnh ban hành; thưởng 2,5 điểm trước hạn 100%)

⁴⁰ Được thưởng 4,5 điểm (thưởng 2 điểm có 01 ý tưởng đổi mới, sáng tạo phụ trách là văn bản Sở ban hành, thưởng 2,5 điểm trước hạn 100%)

⁴¹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
5	Vũ Xuân Hanh	CV	19	0	0	0	0	0	19	19	0	0	92,5 ⁴²	A
				19 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Phạm Thị Huyền	CV	11	3	3	0	0	0	8	8	0	0	92,5 ⁴³	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Phạm Minh Châu	CV	11	1	1	0	0	0	10	10	0	0	92,5 ⁴⁴	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Đoàn Thu Trang	CV	11	2	2	0	0	0	9	9	0	0	92,5 ⁴⁵	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Vũ Thị Hợi	CV	14	1	1	0	0	0	13	13	0	0	92,5 ⁴⁶	A
				14 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁴² Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴³ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴⁴ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
10	Nguyễn Thị Hương	CV	22	1	1	0	0	0	21	21	0	0	92,5 ⁴⁷	A
				22 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
11	Đỗ Ngọc Phú	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
X	Trung tâm Lưu trữ lịch sử		45	3	3	0	0	0	42	19	23	0		B
				22 nhiệm vụ trước hạn (48.89%); 23 nhiệm vụ đúng hạn (51.11%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trương Văn Toàn	GĐ TT	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	92,5 ⁴⁸	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Bùi Thị Thu Hà	PGĐ TT	2	0	0	0	0	0	2	1	1	0	90	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (50%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁴⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴⁸ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
3	Đinh Thị Ngọc Tân	PGĐ TT	3	1	1	0	0	0	2	1	1	0	90,5 ⁴⁹	B
2 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)														
	Phòng HC-TH		24	0	0	0	0	0	24	11	13	0		B
11 nhiệm vụ trước hạn (45.83%); 13 nhiệm vụ đúng hạn (54.17%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)														
4	Nguyễn Viết Hòa	VC	9	1	1	0	0	0	8	8	0	0	92,5 ⁵⁰	A
9 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)														
5	Đinh Thị Thùy Giang	VC	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	80	B
0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)														
6	Nguyễn Trường Thịnh	VC	3	0	0	0	0	0	3	0	3	0	80	B
0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)														

⁴⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

⁵⁰ Được thưởng 2,5 điểm (thường 2,5 điểm trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
7	Đoàn Thị Trà Giang	VC	5	0	0	0	0	0	5	0	5	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Đỗ Văn Tiến	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Nguyễn Thị Dinh	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
10	Đoàn Văn Sáng	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
	Phòng Nghiệp vụ lưu trữ		11	0	0	0	0	0	11	8	3	0		B
				8 nhiệm vụ trước hạn (72,73%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (27,27%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
11	Lương Lê Thành	VC	2	0	0	0	0	0	2	2	0	0	80	B	
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
12	Nguyễn Thị Hiếu	VC	6	0	0	0	0	0	6	5	1	0	90	B	
				5 nhiệm vụ trước hạn (83.33%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (16.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
13	Nguyễn Thị Hằng	VC	3	0	0	0	0	0	3	1	2	0	84	B	
				1 nhiệm vụ trước hạn (33.33%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (66.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											